

DÂN TỘC HỌC TỰ SỰ: TRẢI NGHIỆM CÁ NHÂN VÀ SỰ PHẢN ÁNH

Nguyễn Văn Chính

Email: chinhnv@ussh.edu.vn

Tóm tắt: Từ những năm 1970, thuật ngữ dân tộc học tự sự (autoethnography) xuất hiện ngày càng nhiều, như một cách tiếp cận mới trong dân tộc học. Bài viết này trên cơ sở nhìn lại lịch sử phát triển các phương pháp tiếp cận của dân tộc học từ dân tộc học “trên ghế bành” đến “dân tộc học tham gia” và “dân tộc học tự sự” sẽ làm rõ những bước tiến mới trong quá trình tìm tòi các phương pháp khoa học để nâng cao hiểu biết về các hiện tượng văn hóa. Bài viết gợi ý rằng, dân tộc học tự sự là một phương pháp nghiên cứu định tính điển hình nhằm tìm hiểu văn hóa từ bên trong, giải thích văn hóa từ quan điểm của những người trong cuộc thay vì áp đặt cái nhìn từ bên ngoài cộng đồng được nghiên cứu. Về bản chất, dân tộc học tự sự là sự giao cắt giữa các hình thức tự truyện và mô tả dân tộc học. Nhà nghiên cứu thông qua trải nghiệm cá nhân của mình mô tả các hiện tượng văn hóa mình nghiên cứu, viết ra những suy nghĩ của cá nhân và trình bày kết quả dưới dạng tự sự, văn chương, và cả những cảm xúc toát lên từ vấn đề mình quan tâm. Dù không có những quy định cụ thể nào về “tự sự” nhưng các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng, dân tộc học tự sự vừa là một phương pháp nghiên cứu, đồng thời là một sự phản ánh văn hóa từ lăng kính người trong cuộc.

Từ khóa: Dân tộc học ghế bành, quan sát tham gia, dân tộc học tự sự, tự phản ánh.

Abstract: Autoethnography has emerged as a novel approach in ethnography since the 1970s. This article, by tracing the history of ethnography development, from “armchair ethnography” to “participatory ethnography” and then “autoethnography”, firmly indicates new advances in the search for new methods to comprehend and elucidate cultural phenomena. The article suggests that autoethnography is identified as a distinctive qualitative method that seeks to understand culture from an insider’s perspective, interpreting cultural phenomena based on the viewpoints of those within the studied community rather than imposing an outsider’s perspective. Essentially, autoethnography serves as an intersection between autobiography and ethnography. Researchers employ their personal experiences to describe the cultural phenomena under study, record their thoughts, and present their findings through self-reflection, infused with emotions regarding their subjects of interest. Although there are no specific guidelines for writing autoethnography, researchers concur that this form of self-reflection functions both as a research method and as a cultural reflection through the lens of insiders.

Keywords: Armchair ethnography, participatory observation, autoethnography, self-reflection.

Ngày nhận bài: 20/04/2023; ngày gửi phản biện: 28/4/2023; ngày duyệt đăng: 28/6/2023

Mở đầu

Dân tộc học là một ngành khoa học có lịch sử lâu đời, đã hình thành và phát triển trong nhiều thế kỷ qua và vẫn đang không ngừng phát triển, biến đổi để ngày càng nâng cao khả năng khám phá đời sống văn hóa của loài người. Dù có những định nghĩa khác nhau, dân tộc học (*ethnography*) về cơ bản vẫn được xem là một phân nhánh của nhân học (*anthropology*). Tuy nhiên, với trường phái Xô-viết trước đây thì dân tộc học chủ yếu tập trung nghiên cứu các đặc trưng văn hóa có tính tộc người trong khi nhân học có phạm vi nghiên cứu rộng hơn, từ con người sinh học đến ngôn ngữ học, cổ nhân học, khảo cổ học và dân tộc học (nhân học văn hóa). Quan điểm hiện đại nhấn mạnh đặc trưng của dân tộc học là *nghiên cứu các hiện tượng văn hóa như nó vốn có*. Thay vì giải thích văn hóa từ quan điểm của người bên ngoài, các nhà dân tộc học cố gắng tìm hiểu và giải thích những hiện tượng văn hóa từ quan điểm của người trong cuộc, nghĩa là từ quan điểm của đối tượng được nghiên cứu.

Để hiểu được các hiện tượng văn hóa mà mình quan tâm, nhà dân tộc học hòa mình vào trong cộng đồng hoặc nhóm cư dân mà họ nghiên cứu, quan sát các hành vi và tương tác qua lại của họ, phân tích các động thái xã hội ấy trong những tình huống nhất định và cố gắng tìm hiểu xem các thành viên của nhóm/cộng đồng đó giải thích như thế nào về hành vi của họ. Bài viết này giới thiệu một cách tiếp cận mới để hiểu văn hóa từ bên trong, gọi là dân tộc học tự sự. Từ thuở sơ khai với dân tộc học “ghế bành” đến thời hiện đại với dân tộc học “tham gia”, khoa học này đã không ngừng tìm tòi sáng tạo các phương pháp nghiên cứu và đạt được những bước tiến quan trọng. Dân tộc học tự sự (*auto-ethnography*) là một khám phá mới trong nghiên cứu định tính để đạt được những hiểu biết từ bên trong, từ chính thành viên của nhóm văn hóa được nghiên cứu. Vì cách thực hành dân tộc học tự sự không tuân theo các nguyên tắc hàn lâm ước lệ, văn phong đa dạng, có nhiều nét tương đồng với các loại hình khác như tiểu sử học, câu chuyện đời, hồi ký... nên rất khó định hình thành những khuôn mẫu thực hành. Vì vậy, bài viết này chỉ tập trung giới thiệu dân tộc tự sự trong dòng chảy chung của tiến trình phát triển dân tộc học thế giới mà không sa đà thảo luận những vấn đề có tính phương pháp thực hành sẽ được thảo luận trong một bài viết khác.

1. Dân tộc học “ghế bành” (*armchair anthropology*)

Vào thuở sinh thành của mình, dân tộc học gắn liền với sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân, theo chân các nhà thực dân châu Âu đến những vùng đất xa lạ trên khắp thế giới và bắt đầu thâm nhập vào xã hội bản địa để nghiên cứu các nền văn hóa khác châu Âu. Thách thức lớn nhất với các nhà dân tộc học lúc này là tìm kiếm những phương pháp nghiên cứu thích hợp để tìm hiểu các nền văn hóa khác với văn hóa của mình. Bên cạnh việc ghi lại các hiện tượng văn hóa quan sát được thì phỏng vấn người dân địa phương là cách phổ biến nhất được vận dụng để thu thập thông tin. Nhưng quan hệ giữa những người thực dân đi xâm lược với người bản địa chưa bao giờ là dễ chịu. Các nhà nghiên cứu không dễ dàng thực hành quan

sát và phỏng vấn đối tượng nghiên cứu của mình trong đời sống hàng ngày tại các ngôi nhà của họ. Các đối tượng nghiên cứu do đó thường được mời gọi đến một nơi nhất định để trả lời các câu hỏi mà nhà nghiên cứu đặt ra. Nhà nghiên cứu chỉ việc ngồi đợi và đưa ra các câu hỏi. Người ta gọi các nhà nghiên cứu thực hành phương pháp này là nhân học trên ghế bành (*armchair anthropology*). Thuật ngữ này cũng được dùng để chỉ những nhà nghiên cứu không có cơ hội đi thực địa mà chỉ thực hiện nghiên cứu trong thư phòng, tổng hợp các tài liệu có được từ những người khác, bao gồm thông tin từ các nhà cai trị, sĩ quan đồn trú, nhà tu hành, du lịch, nhà buôn,... Những người này do công việc của mình mà họ có điều kiện tiếp cận thực tế và ghi chép lại những gì quan sát được tại hiện trường. Dựa vào nguồn tài liệu phong phú và đa dạng này, các nhà nghiên cứu “trên ghế bành” dù chỉ ngồi ở châu Âu vẫn có thể sử dụng lý luận của mình để phân tích và khái quát thành những luận điểm khoa học. Chẳng hạn, K. Marx đã dựa vào các báo cáo về Ấn Độ, Trung Quốc và các nước khu vực phương Đông để phát triển lý thuyết về Phương thức sản xuất châu Á với đặc trưng là chế độ công hữu về sản xuất, công xã nông thôn, và nền sản xuất tự cung tự cấp với những chiếc xa quay sợi và ngôi chợ làng... Tương tự như vậy, K.Marx và F.Engels đã dựa vào phát hiện của Lewis H. Morgan trong công trình nghiên cứu “Xã hội Cổ đại” để đưa ra luận điểm về quá trình tan rã của chế độ công xã nguyên thủy và sự hình thành của xã hội có giai cấp, dựa trên chế độ tư hữu trong tác phẩm kinh điển về “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và nhà nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2015).

Dân tộc học thế kỷ XIX, dù là tiếp cận đối tượng nghiên cứu từ trên ghế bành hay ngồi nhà tổng hợp các nguồn tài liệu để phân tích thì cách tiếp cận này vẫn có nhiều điều bất lợi bởi vì nhà nghiên cứu không quan sát được trực tiếp những gì họ muốn thấy, và chỉ có được thông tin thông qua một lăng kính hay cách nhìn của người khác. Do những hạn chế này mà người ta thường đặt ra những nghi vấn về tính toàn diện và độ tin cậy của thông tin có được. Tuy nhiên, những hạn chế này càng thôi thúc các nhà nghiên cứu tìm tòi và đổi mới kỹ thuật nghiên cứu và phương pháp của mình. Vì vậy, có thể nói lịch sử phát triển của dân tộc học/nhân học thế giới chính là lịch sử của sự thay đổi dần dần và việc áp dụng các kỹ thuật và phương pháp nghiên cứu mới. Sau kỷ nguyên thực dân, nhân học trên ghế bành đã dần bị lãng quên và giờ đây chỉ còn là một phần của lịch sử dân tộc học.

2. Dân tộc học “tham gia” (*participant observation*)

Những thập niên đầu của thế kỷ XX đã chứng kiến một bước tiến mới của dân tộc học với phương pháp nghiên cứu mới có tên gọi là “quan sát tham gia”. Các nhà nghiên cứu cho rằng, thuật ngữ “quan sát tham gia” lần đầu tiên được nêu lên bởi nhà giáo dục học người Mỹ Linderman (1925), sau đó được phát triển và hoàn thiện dần bởi nhà dân tộc học gốc Ba Lan Bronisław Malinowski (1884 -1942) và nhà dân tộc học Mỹ Franz Boas (1858-1942).

Có thể nói Malinowski là cha đẻ của trường phái lý thuyết chức năng và là một trong những nhà dân tộc học quan trọng nhất của thế kỷ XX. Công hiến to lớn của ông cho dân tộc học gắn liền với kết quả nghiên cứu điền dã tại các tộc người châu Đại Dương. Năm 1916, ông bảo vệ thành công luận án tiến sĩ về người Mailu ở New Guinea tại Đại học Luân Đôn. Sau đó ông quay trở lại châu Đại Dương để nghiên cứu các nhóm thổ dân trên Quần đảo Trobriand, thuộc Đông Nam Melanesia. Tại đây, ông đã thực hiện một chương trình nghiên cứu điền dã chưa từng thấy trước đó trong giới dân tộc học, đó là hòa nhập vào đời sống của cộng đồng dân cư địa phương, cùng ăn, cùng ở, cùng sinh hoạt hàng ngày với họ và ghi chép lại tỉ mỉ những gì quan sát được, các cuộc phỏng vấn, những tương tác qua lại giữa ông với người dân. Từ đây ông đã phát hiện ra hệ thống trao đổi của thổ dân trên Quần đảo Trobriand mà ông gọi là “Kula ring”, trong đó việc trao đổi quà tặng giữa các thành viên trong cộng đồng đòi hỏi nghĩa vụ cho, nhận, và hồi đáp, trong một mối quan hệ mà nhà dân tộc học kinh điển người Pháp Marcel Mauss (1872-1950) gọi là “có đi có lại”. Những tư liệu quý giá thu được trên thực địa đã giúp ông tạo dựng cơ sở ban đầu cho trường phái lý thuyết chức năng (*functionalism*), trong đó Malinowski khẳng định rằng: “...về nguyên tắc, trong tất cả các nền văn minh, các phong tục, tập quán, đối tượng vật chất, ý tưởng và niềm tin đều chứa đựng một số chức năng quan trọng, có một số nhiệm vụ phải hoàn thành đại diện cho một phần không thể thiếu trong một tổng thể đang hoạt động” (Firth, 2023).

Nếu như Malinowski đại diện cho trường phái chức năng trong nhân học xã hội Anh thì cũng trong thời gian này tại Mỹ, nhà nhân học nổi tiếng Franz Boas (1858-1942) cũng nổi lên như là cha đẻ của nhân học Mỹ (Lewis, 2020). Ông là giáo sư tại Đại học Columbia, nơi ông đã dành cả đời giảng dạy về dân tộc học và tạo ra những ảnh hưởng quan trọng đối với sự phát triển của nhân học Mỹ. Thời gian đó, thuyết “tiến hóa luận” (*cultural evolutionism*) đang làm mưa làm gió ở châu Âu như một cách tiếp cận chủ đạo về văn hóa. Lý thuyết này cho rằng, sự phát triển của các xã hội đều phải trải qua các giai đoạn tiến hóa theo trật tự từ thấp đến cao mà văn hóa Tây Âu chính là đại diện cho nấc thang cao nhất. Boas đã phản bác lại cách tiếp cận này. Ông cho rằng, lịch sử phát triển của văn hóa thông qua mối quan hệ tương tác qua lại giữa các nhóm người và truyền bá các ý tưởng, và do đó sự phát triển của văn hóa không hướng đến các hình thức văn hóa ở nấc thang “cao hơn”. Từ đây, Boas đã đặt cơ sở cho lý thuyết tương đối văn hóa (*cultural relativism*). Luận điểm cơ bản của lý thuyết này cho rằng: “Không có nền văn hóa nào cao hơn hay thấp hơn, tốt hơn hay đúng hơn, mà tất cả mọi người đều nhìn thế giới qua lăng kính văn hóa của chính họ và đánh giá nó theo quan điểm của riêng họ...” (Lewis, 2020)

Bằng quan điểm như vậy, Boas đã bác bỏ “tiến hóa luận văn hóa”. Ông tin rằng tất cả các nền văn hóa về cơ bản đều bình đẳng nhưng đơn giản là phải được hiểu theo cách riêng của chúng. Về cơ bản, các nền văn hóa đều khác nhau và chúng phải được tiếp cận theo quan điểm như vậy. Đối với Boas, không có nền văn hóa nào phát triển hoặc tiến bộ hơn bất kỳ nền

văn hóa nào mà chỉ đơn giản là chúng khác nhau. Tương tự như vậy, Boas cũng bác bỏ niềm tin rằng, có những nhóm chủng tộc hoặc dân tộc tiến bộ hơn những nhóm khác. Ông phản đối chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, cho rằng khác biệt về mặt chủng tộc chỉ là một khái niệm sinh học chứ không phải văn hóa, từ đó tạo cơ sở khoa học nhằm bác bỏ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc phổ biến trong xã hội Mỹ hồi đầu thế kỷ XX.

Boas cho rằng, mục tiêu của nhân học là tìm hiểu cách thức mà con người hiểu và tương tác với thế giới theo những cách khác nhau. Vì vậy, cần phải hiểu được ngôn ngữ và lối sống của những người được nghiên cứu. Từ đây, Boas đã đề xuất sự hợp nhất bốn lĩnh vực nghiên cứu để tạo thành khoa nhân học, bao gồm *khảo cổ học* (nghiên cứu về lịch sử và văn hóa vật chất), *nhân chủng học* (nghiên cứu về con người sinh học), *ngôn ngữ học* (mô tả và nghiên cứu về ngôn ngữ bản địa bất thành văn) và *dân tộc học* (nghiên cứu về sự thay đổi văn hóa, phong tục tập quán và lối sống). Ngành nhân học với bốn phân ngành như trên đã tạo ra một đặc trưng nổi bật của Nhân học Mỹ trong suốt thế kỷ XX.

Như vậy, về mặt phương pháp nghiên cứu, cả Malinowski và Boas đều cho rằng cần phải hiểu hiện tượng văn hóa từ quan điểm của người được nghiên cứu chứ không phải áp đặt cách nhìn từ bên ngoài. Để làm như vậy, nhà nghiên cứu phải tham gia vào đời sống của cộng đồng mà họ quan tâm để thu thập dữ liệu và hiểu được hiện tượng hay vấn đề xã hội được nghiên cứu. Phương pháp này được gọi là “quan sát tham gia” hoặc “phương pháp dân tộc học”, được phát triển bởi Malinowski và Boas, và đã được áp dụng như một phương pháp nghiên cứu chính bởi trường phái dân tộc học Chicago từ những thập niên 20 của thế kỷ trước, sau đó được các nhà nghiên cứu văn hóa - xã hội sử dụng rộng rãi trên khắp thế giới, không chỉ trong lĩnh vực dân tộc học và xã hội học định tính, mà cũng trong nhiều lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn khác như tâm lý học, địa lý nhân văn, truyền thông xã hội,... Theo Crossman, bằng cách thực hiện phương pháp này, nhà nghiên cứu một mặt là người quan sát một cách khách quan hiện tượng văn hóa mình quan tâm, đồng thời tham gia một cách chủ quan vào đời sống địa phương (Crossman, 2019).

Quan sát tham gia, với tư cách là một công cụ nghiên cứu, đòi hỏi nhà khoa học đi vào cộng đồng dân cư mà mình nghiên cứu, sống chung với họ, xây dựng các mối quan hệ tâm phúc và sự hợp tác của người cấp tin địa phương, qua đó thu thập thông tin để hiểu về văn hóa của họ. Crossman (2019) cho rằng, mục đích của quan sát tham gia là để đạt được sự hiểu biết sâu sắc các giá trị, niềm tin và lối sống của cộng đồng mình nghiên cứu. Quan sát tham gia có thể tập trung vào các nhóm văn hóa nhỏ của một xã hội lớn hơn, chẳng hạn như nhóm tôn giáo, nghề nghiệp hoặc cộng đồng cụ thể. Để tiến hành quan sát, nhà nghiên cứu thường sống với nhóm cư dân mà mình nghiên cứu, trở thành một phần của họ và sống với tư cách là thành viên của nhóm trong một thời gian đủ dài, xây dựng mối quan hệ tâm giao và tin cậy, cho phép họ tiếp cận các chi tiết nằm sâu trong đời sống văn hóa và cộng đồng mà chỉ bằng quan sát bề ngoài sẽ không thể hiểu được. Tuy nhiên, cách tiếp cận này cũng đặt ra những quan tâm

về đạo đức nghề nghiệp, chẳng hạn sự hợp tác và đồng ý của người tham gia cấp tin hoặc được quan sát.

Với tư cách là một công cụ và phương pháp nghiên cứu, quan sát tham gia liên quan đến một loạt các kỹ năng thu thập thông tin được xác định rõ ràng như: phỏng vấn mở, quan sát trực tiếp, tham gia vào cuộc sống của cư dân được nghiên cứu, thảo luận tập thể, phân tích các tài liệu cá nhân, kết quả của các hoạt động và câu chuyện về lịch sử cuộc sống. Mặc dù phương pháp này được đặc trưng bởi tiếp cận định tính nhưng đôi khi nó cũng có thể bao gồm các khía cạnh định lượng, hoặc từ các thông tin định tính được tổng hợp và chuyển hóa thành thông tin định lượng.

Quan sát tham gia thường được thực hiện trong một khoảng thời gian dài, từ vài tháng đến nhiều năm. Điều này có nghĩa là nhà nghiên cứu có thể thu được thông tin chi tiết và đáng tin cậy hơn về các cá nhân, cộng đồng hoặc nhóm cư dân mình nghiên cứu. Có những vấn đề xảy ra theo hàng ngày, chu kỳ hoặc những chi tiết có tính cảm xúc mà nhà nghiên cứu nếu không ở trong cộng đồng một thời gian đủ dài sẽ khó lòng quan sát được.

Điểm mạnh của quan sát và tương tác trong thời gian dài trên thực địa là các nhà nghiên cứu có thể phát hiện ra sự khác biệt giữa những gì người ta nói và tin rằng nó xảy ra so với những gì đã thực sự xảy ra. Phương pháp quan sát tham gia do đó có thể giúp đạt được chiều sâu kiến thức mà nhà nghiên cứu thu được thông qua trải nghiệm hàng ngày bởi vì nó tập trung vào trải nghiệm, quan điểm và kiến thức của những người được nghiên cứu. Tuy nhiên, điểm yếu của phương pháp này là nhà nghiên cứu mất nhiều thời gian, có khi là hàng tháng hoặc thậm chí hàng năm sống ở nơi nghiên cứu. Thêm nữa, các nhà nghiên cứu dễ bị hòa nhập vào xã hội được nghiên cứu trong khi phải duy trì vai trò là người quan sát, đặc biệt là theo thời gian, họ trở thành một phần được chấp nhận của nhóm, áp dụng thói quen, cách sống và quan điểm của nhóm mà mình nghiên cứu.

3. Dân tộc học “tự sự” (*autoethnography*)

Gần đây, đời sống văn hóa nghệ thuật Việt Nam mới cho trình làng một công trình nghiên cứu có tựa đề “Chơi jazz ở Việt Nam: Quyền Văn Minh và nhạc jazz Hà Nội”, do nhà xuất bản Hội Nhà văn ấn hành năm 2022. Tác giả của cuốn sách là nhà nhân học người Singapore Stan Tan-Tangbau, đã từng giảng dạy ở nhiều đại học trong khu vực như Đại học Quốc gia Singapore, Đại học Ritsumeikan ở Kyoto, Đại học RMIT và VinUniversity tại Hà Nội. Đây là một công trình khoa học nhưng lại không tuân thủ những nguyên tắc trình bày các phát hiện theo một ước lệ thông thường như vẫn thấy trước nay trong các sách về khoa học xã hội và nhân văn. Ngược lại, cuốn sách tái hiện ký ức lịch sử của một cá nhân, thuật lại một cách sống động cái cách mà nhạc jazz được chơi, được nghe, được học và được biểu diễn ở Việt Nam như thế nào. Nhà nghiên cứu, Tiến sĩ Stan Tan-Tangbau đã dành nhiều năm (năm 2009 và từ 2012 - 2016) để trò chuyện, quan sát, dự các cuộc biểu diễn, hòa mình vào đời sống nghệ thuật

của gia đình, học trò và bạn bè của người chơi nhạc jazz Quyên Văn Minh để thu thập thông tin về cuộc đời chơi nhạc jazz của ông và viết ra quyển sách độc đáo này. Nói đây là một nghiên cứu độc đáo bởi nó kể lại các câu chuyện, lúc là của nhà nghiên cứu, khi lại là của đối tượng mà anh nghiên cứu, gồm những câu chuyện tâm tình, những lời tự sự, giống như sự hàn huyên của những người bạn. Mỗi câu chuyện phản ánh sự tương tác và những trải nghiệm sống của cá nhân nhạc sĩ chơi jazz ở từng thời đoạn khác nhau trong cuộc đời, từ những câu chuyện cuộc sống, chuyện âm nhạc, và chuyện về jazz, được đặt trong bối cảnh chính trị xã hội rộng lớn hơn của Việt Nam những năm trước và sau Đổi mới. Những câu chuyện này tự nó giúp chúng ta hiểu được câu chuyện lớn hơn và sâu hơn về đời sống văn hóa và sự biến đổi văn hóa - chính trị - xã hội ở Việt Nam. Chuyện đời của một người chơi nhạc được trình bày theo lăng kính nhân học xã hội nhưng không bị vướng bận bởi những lý thuyết khoa học, những giải thích và khái quát hiện tượng văn hóa theo một khuôn mẫu nhàm chán. Tất cả là những câu chuyện thật, những lát cắt của cuộc sống, những trải nghiệm và tương tác, được ghi lại với sự cẩn trọng và tôn trọng sự thật để tự nó nói lên vấn đề được quan tâm. Tiến sĩ Stan Tan-Tangbau chia sẻ về nghiên cứu của mình:

Về mặt phương pháp, đây là một cách tiếp cận dân tộc học (ethnography),... Thông qua chuyện đời của anh Minh, cuốn sách có thể đến với độc giả của các ngành khác nhau, có trình độ am hiểu và mức độ quan tâm về Việt Nam nói riêng và châu Á nói chung khác nhau, hiểu về nhạc jazz nói riêng và âm nhạc nói chung khác nhau, tự nhận thức về tương tác giữa cá nhân và cộng đồng, xã hội, chính trị và những động lực rộng lớn hơn như sự lưu thông toàn cầu của những ý tưởng văn hóa như âm nhạc (Nguyễn Quang Diệu, 2022).

Theo Stan, việc nghiên cứu và trình bày một nghiên cứu thông qua các câu chuyện đời cũng gặp phải những thách thức không nhỏ: các câu chuyện cuộc đời vốn là ký ức không được sắp xếp một cách hệ thống. Thay vào đó, nó là những tường thuật được kể phụ thuộc vào cảm xúc, thời điểm, địa điểm và cách nhìn lúc kể chuyện. Vì lẽ đó, trong suốt 10 năm trò chuyện, nhiều câu chuyện hay được (không phải “bị”) lặp đi lặp lại nhưng mỗi lần được kể ra lại có thêm một góc nhìn khác, một lớp quan hệ khác, rất phong phú và sống động. Khi phân tích những câu chuyện đó để xử lý thông tin viết sách đối với tôi mới là việc khó. Tôi phải nghĩ rất lâu xem nên viết, nên bố trí những câu chuyện như thế nào để độc giả có thể tìm thấy được những điểm trung chuyển cuộc đời của một cá nhân đã hòa hợp với nhạc jazz một cách huyền ảo (Nguyễn Quang Diệu, 2022).

Như chính tác giả cuốn sách thừa nhận, đây là một nghiên cứu dân tộc học sử dụng dữ liệu là những câu chuyện đời, một xu hướng nghiên cứu mới phổ biến gần đây, thường được nói đến trong các tài liệu khoa học dưới cái tên “dân tộc học tự sự” hay *autoethnography*. Nhưng ở đây, ta thấy có hai dòng tự sự, một là tự sự của tác giả - nhà nghiên cứu và đồng thời là người viết sách, và hai là tự sự của nhân vật được nghiên cứu. Đây cũng là một công trình khoa học được thực hiện dưới hình thức đồng nghiên cứu (*co-research*) trong đó người nghiên cứu và người

được nghiên cứu cùng tham gia trả lời câu hỏi nghiên cứu được đặt ra. Nhận thấy tầm quan trọng của cách tiếp cận “dân tộc học tự sự” như một xu hướng mới, dưới đây tôi sẽ khái quát một số điểm chính để cung cấp thêm thông tin về hình thức nghiên cứu dân tộc học mới mẻ nhưng đầy hứa hẹn này.

3.1. Sự hình thành và phát triển

Thuật ngữ “autoethnography” với tư cách một phương pháp tiếp cận dân tộc học thực ra chỉ mới xuất hiện vào khoảng những năm 1970 dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa hậu hiện đại trong khoa học xã hội. Trong số những người tiên phong sử dụng khái niệm này và vận dụng vào nghiên cứu của mình có Heider (1975), Goldschmidt (1977) và Hayano (1979). Heider (1975) đã sử dụng khái niệm “dân tộc học tự sự” như một cách tiếp cận để giải thích về văn hóa của bản thân. Goldschmidt (1977) lại cho rằng, tất cả các loại dân tộc học tự thân (“self-ethnography”) về các vấn đề như niềm tin tôn giáo, quan điểm và những quan sát cá nhân đều có thể gọi là autoethnography. Nhìn vấn đề ở góc độ rộng hơn, Hayano (1979) cho rằng “dân tộc học tự sự” là một dạng nghiên cứu trong đó các nhà khoa học “tiến hành điền dã và mô tả dân tộc học về “dân tộc mình” (phân biệt với dân tộc học nghiên cứu các nền văn hóa xa lạ với văn hóa của nhà nghiên cứu). Mặc dù có sự khác biệt nhất định trong việc định nghĩa khái niệm dân tộc học tự sự nhưng các tác giả này đều có một điểm chung, đó là phân biệt vị thế “người trong cuộc” hay “người ngoài cuộc” của nhà nghiên cứu khi nói về văn hóa. Tuy nhiên, theo Adams và cộng sự (2017) thì các nhà nghiên cứu nói trên chưa quan tâm làm rõ tầm quan trọng của trải nghiệm cá nhân trong nghiên cứu tự sự.

Từ những bước đi đầu tiên vào những năm 1970, Dân tộc học tự sự dần dần trở nên phổ biến hơn. Cho đến những năm 1990, cách tiếp cận này phổ biến trong các nghiên cứu sử dụng “trải nghiệm cá nhân và sự phản ánh” để kiểm tra các giải thích văn hóa. Một loạt nghiên cứu nhằm làm rõ đặc điểm, vai trò, các nguyên tắc và cách thực hành nghiên cứu dân tộc học tự sự đã được công bố, trong đó nổi lên hàng chục công trình có sức truyền cảm mạnh mẽ của Carolyn Ellis, Art Bochner, Tony Adam và nhiều nhà dân tộc học tên tuổi khác. Một số tác giả lớn đã hợp lực cùng nhau biên soạn tập *Sổ tay về dân tộc học tự sự*, xuất bản tại Mỹ năm 2013, xác lập vị thế và tầm quan trọng của loại hình dân tộc học tự sự (Adams và cộng sự, 2017). Bản biên tập lần hai được Routledge xuất bản năm 2021 đã tạo ra sức lan tỏa rộng rãi trong giới dân tộc học thế giới. Với sự đóng góp của hơn 50 tác giả đại diện cho các lĩnh vực nghiên cứu có liên quan đến từ nhiều nước khác nhau trên thế giới, cuốn sổ tay này đã phát triển, hoàn thiện và mở rộng phương pháp dân tộc học và nghiên cứu định tính, được xem như là cuốn sách gối đầu giường cho các nhà nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực khoa học xã hội. Cuốn sách tập trung thảo luận về khái niệm *dân tộc học tự sự* (autoethnography), phân tích các đặc điểm chính của loại hình nghiên cứu này cũng như các nền tảng triết học, quan hệ, văn hóa và đạo đức thực hành autoethnography. Cuốn sách cũng dành một phần riêng để thảo luận vấn đề giảng dạy, đánh giá và xuất bản các nghiên cứu autoethnography, những thách

thức và tương lai của loại hình dân tộc học này. Đặc biệt trong phần cuối cùng, cuốn sách cung cấp một bộ sưu tập các bài viết dân tộc học tự sự làm mô hình học thuật cho người mới đi vào lĩnh vực học thuật này.

Từ hội thảo đầu tiên *International Congress of Qualitative Inquiry* năm 2004, các hội thảo khoa học lớn trên thế giới bắt đầu chấp nhận các công trình nghiên cứu dân tộc học tự sự. Đặc biệt, năm 2011, một hội thảo quốc tế lớn “*Doing Autoethnography*” đã được tổ chức tại Detroit, Michigan (Hoa Kỳ) với hàng ngàn người từ hơn 10 quốc gia tham dự. Tại Hội nghị này, Hiệp hội Dân tộc học tự sự và Tự truyện Quốc tế (*International Associations of Autoethnography and Narrative Inquiry, IAANI*) đã được thành lập và từ năm 2013, các hội nghị thường niên của Hiệp hội đã được tổ chức. Hiệp hội dự định sẽ tổ chức một hội thảo trực tuyến quy mô lớn tại Florida, Hoa Kỳ từ ngày 1 đến ngày 3 tháng 3 năm 2024 nhằm tạo điều kiện cho các học giả ở mọi cấp độ có cơ hội trình bày nghiên cứu của họ về tự truyện và Dân tộc học tự sự, đồng thời tạo ra diễn đàn cho người tham gia đối thoại và giao lưu với các học giả thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.

Thành quả đáng ghi nhận của 5 lần tổ chức Hội thảo quốc tế về autoethnography do IAANI tiến hành từ 2011 - 2016 là việc xuất bản cuốn kỷ yếu “*Doing Autoethnography*” do Sandra Pensoneau-Conway biên tập, nhà xuất bản Brill ấn hành năm 2017. Cuốn kỷ yếu này tập hợp một số bài viết xuất sắc bàn luận về dân tộc học tự sự, từ khía cạnh đạo đức, lý thuyết, mối quan hệ và phương pháp nghiên cứu.

3.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

Mặc dù còn đang thảo luận và phát triển khái niệm, phương pháp nghiên cứu nhưng về cơ bản, người ta đều cho rằng đặc điểm nổi bật của dân tộc học tự sự là sự giao cắt giữa tự truyện (*autobiography*) và dân tộc học (*ethnography*). Khi viết tự truyện hoặc kể về bản thân, chúng ta thường sử dụng trí nhớ và nhận thức của mình để suy ngẫm về những trải nghiệm trong quá khứ, tâm sự với người khác về quá khứ, kiểm tra các tư liệu như ảnh, nhật ký cá nhân, các bản ghi âm, cũng có thể là các bản tin, các bài viết trên blog và các tài liệu lưu trữ khác có liên quan đến cuộc sống. Những trải nghiệm như vậy được sắp xếp, lắp ráp lại theo một trình tự giống như ta kể chuyện, có lớp lang, gợi mở, kịch tính, nói chung là những trải nghiệm về văn hóa để người đọc hiểu được cảm giác mà chúng ta đã trải nghiệm.

Khi nghiên cứu dân tộc học, chúng ta tham gia vào đời sống của địa phương, quan sát, ghi chép tại hiện trường về những gì chúng ta thấy, rồi chúng ta phỏng vấn, thảo luận với đối tượng mà ta nghiên cứu về cuộc sống, suy nghĩ và cảm xúc của họ. Sau đó chúng ta mang những phát hiện của mình liên hệ với các kết quả nghiên cứu chính thức khác. Mục đích của dân tộc học là để tạo ra đại diện văn hóa, làm cho nó gần gũi với người đọc bằng cách mô tả các trải nghiệm một cách sống động và chi tiết, làm cho người đọc cũng có cảm giác như chính họ đang trải nghiệm các hiện tượng văn hóa cùng nhà dân tộc học.

Dân tộc học tự sự chính là sự kết hợp của các quy trình, nguyên tắc và thực hành giữa tự truyện và dân tộc học như đã tóm tắt ở trên, và đây cũng chính là mục tiêu của dân tộc học tự sự. Nếu ta muốn thực hiện một nghiên cứu theo hướng dân tộc học tự sự, chúng ta phải nắm được phương pháp và cách thức thực hiện để đạt được dự định nghiên cứu cũng như lý do tại sao chúng ta lựa chọn phương pháp này.

Dân tộc học tự sự tập trung vào những trải nghiệm của cá nhân, do đó nó là sự lựa chọn cần thiết thay thế cho các câu chuyện và khuôn mẫu văn hóa được xem là hiển nhiên và lặp lại trong các nghiên cứu đã có, giúp bổ khuyết cho những lỗ hổng mà các nghiên cứu thường bỏ qua, đặc biệt là những trải nghiệm cá nhân.

Dân tộc học tự sự là để trình bày tri thức của người trong cuộc thông qua trải nghiệm văn hóa. Người viết dân tộc học tự sự có thể mang đến cho người đọc các khía cạnh khác nhau của đời sống văn hóa mà các nhà nghiên cứu khác không biết được. Chẳng hạn, một người đã thực sự trải qua những mất mát, bệnh tật, bị lạm dụng, áp bức hoặc những thực hành vụng trộm nào đó, người ta có thể nói về những điều mà mình trải qua khác với những người chỉ nghe nói hoặc có hiểu biết lơ mơ về vấn đề này. Tri thức của người trong cuộc giúp nhà dân tộc học hiểu rõ hơn vấn đề và kể lại câu chuyện như nó vốn có.

Lịch sử của dân tộc học cho thấy, các nhà nghiên cứu thường đi đến những nền văn hóa xa lạ, làm quen với người dân địa phương, quan sát văn hóa của họ, rồi rời đi mà ít khi quay lại nơi đó. Trở về nơi làm việc, anh ta viết về đời sống văn hóa của những người mình đã nghiên cứu cho độc giả là những người chưa từng biết về văn hóa đó. Trong khi đó, những người được nghiên cứu có thể không biết nhà nghiên cứu đã viết hay nói gì về họ, và vì nhà nghiên cứu ít khi quan tâm đến khía cạnh chính trị của các đại diện văn hóa mà anh ta đã viết. Đây có thể là một nguy cơ vì dạng thông tin như vậy dễ bị người khác sử dụng để chống lại những cư dân của địa bàn được nghiên cứu. Vậy nên nhà dân tộc học tự sự không thể là một kẻ ngây thơ về chính trị xã hội và làm những điều có thể gây hại cho chính những người mà mình đã nghiên cứu.

Tập trung vào các trải nghiệm cá nhân, nhà dân tộc học tự sự cũng mô tả những khoảnh khắc trải nghiệm hàng ngày mà các phương pháp nghiên cứu truyền thống không thể nắm bắt được. Điều đã dân tộc học tự sự cho phép chúng ta nhìn thấy, nghe thấy, suy nghĩ và cảm nhận những gì đã là một phần của “thực địa”. Người viết tự sự có thể viết về những trải nghiệm xảy ra trong bối cảnh riêng tư, chẳng hạn như phòng ngủ, phòng tắm hoặc các tương tác hàng ngày. Việc sử dụng trải nghiệm cá nhân cũng cho phép nhà dân tộc học mô tả và ghi lại những gì đã xảy ra trong những bối cảnh bình thường nhất, như nó vốn dĩ vẫn như vậy. Hơn nữa, nhà nghiên cứu có thể sử dụng lối viết giản dị hoặc văn chương, thấm đẫm cảm xúc của người trong cuộc để truyền tải thông tin xác thực và chính xác đến người đọc thay vì lối hành văn xơ cứng và khuôn sáo như lối viết khoa học cũ.

Cuối cùng, mục đích của dân tộc học tự sự là tạo ra các sản phẩm khoa học hướng đến đối tượng người đọc đông đảo, chủ yếu là đối tượng bên ngoài môi trường học thuật. Dân tộc học tự sự với cách viết, văn phong hấp dẫn những trải nghiệm thú vị sẽ có khả năng tiếp cận công chúng dễ dàng và thu hút được sự quan tâm của xã hội. Phương pháp dân tộc học tự sự do đó có thể được các nhà nghiên cứu sử dụng để thu hút cả đối tượng trong giới học thuật và những người không có nhiều kiến thức về dân tộc học đều có thể đọc và tiếp thu được.

Dân tộc học tự sự là một phương pháp nghiên cứu sử dụng trải nghiệm cá nhân (auto) để mô tả và diễn giải các hiện tượng, trải nghiệm, niềm tin và thực tiễn (ethno) văn hóa, đồng thời kết nối những câu chuyện tự sự này với những ý nghĩa và hiểu biết rộng hơn về văn hóa, chính trị và xã hội. Tùy thuộc vào từng đề tài nghiên cứu cụ thể mà nhà nghiên cứu quyết định lựa chọn phương pháp phù hợp, trong đó dân tộc học tự sự có thể mang lại sự thay thế cần thiết để khám phá thế giới ẩn sâu trong nhóm cư dân mà họ nghiên cứu. Các nhà dân tộc học tin rằng, trải nghiệm cá nhân được truyền tải với các chuẩn mực và kỳ vọng chính trị/văn hóa, và họ tham gia vào quá trình tự phản ánh nghiêm ngặt thường được gọi là “tính phản thân” (*reflexivity*) nhằm xác định và kiểm tra các giao điểm giữa bản thân và đời sống xã hội.

Các nhà dân tộc học tự sự cũng nhận thấy, bên cạnh những ưu điểm, cách tiếp cận này có những hạn chế. Cho đến nay, chưa có những quy định chính thức nào liên quan đến việc viết một công trình học thuật bằng thông tin có tính “tự sự”. Đối với một công trình dân tộc học tự sự, ý nghĩa của câu chuyện mà nó mang lại có lẽ quan trọng hơn là một luận văn có tính học thuật chặt chẽ. Tự sự dân tộc học cũng gợi lên sự liên tưởng, hướng vào nội tâm của nhà nghiên cứu và của đối tượng nghiên cứu để tạo ra mối liên hệ với cảm xúc, trải nghiệm của nhà nghiên cứu và của người trong cuộc. Mỗi câu chuyện của một cá nhân được kể ra sẽ dễ tạo ra sự đồng cảm và kết nối hơn.

Việc công bố một công trình tự sự dân tộc học không dễ dàng được chấp nhận ở bình diện quốc tế. Bằng việc viết dân tộc học tự sự, nhà nghiên cứu phải đối mặt với những câu hỏi và băn khoăn liên quan đến tính đại diện, tính cân bằng và đạo đức nghề nghiệp. Đồng thời, họ phải đối phó với khả năng có được những người bình duyệt chính thức và không chính thức chấp nhận hay không.

Thay lời kết

Mặc dù còn nhiều vấn đề phải thảo luận, nhưng dân tộc học tự sự là một phương pháp nghiên cứu định tính hấp dẫn và đầy hứa hẹn. Nó giúp nói lên những trải nghiệm của cá nhân nhằm mở rộng hiểu biết về xã hội mà ta nghiên cứu. Như Carolyn Ellis (2013) đã nhận định:

Đối với hầu hết chúng ta, autoethnography không chỉ đơn giản là một cách để hiểu về thế giới; nó đã trở thành một cách tồn tại trên thế giới, một cách sống đòi hỏi có ý thức, tình

cảm và phản ánh. Nó yêu cầu chúng ta không chỉ kiểm tra cuộc sống mà còn xem xét cách thức và lý do tại sao chúng ta suy nghĩ, hành động và cảm nhận như chúng ta đang làm. Autoethnography yêu cầu chúng ta quan sát chính mình, rằng chúng ta thẩm định những gì chúng ta nghĩ và tin tưởng, và rằng chúng ta đang thách thức chính mình.

Tài liệu tham khảo

1. Adams, Tony E., Carolyn Ellis, Stacy Holman Jones (2017), *Autoethnography*, <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/epdf/10.1002/9781118901731.iecrm0011>
2. Crossman, Ashley (2019), *What Is Participant Observation Research? Understanding an Important Qualitative Research Method*, https://www.thoughtco.com/participant-observation-research-3026557_.
3. Nguyễn Quang Diệu (2022), “Một đời chơi jazz và một thời cuộc...”, báo *Tuổi trẻ Cuối tuần*, ra ngày 26/12/2022.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), Tác phẩm “Nguồn gốc gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước” của Ph. Ăngghen, trên trang: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/c-mac-angghen-lenin-ho-chi-minh/ph-angghen/nghien-cuu-hoc-tap-tu-tuong/tac-pham-nguon-goc-gia-dinh-che-do-tu-huu-va-nha-nuoc-cua-ph-angghen-3134>, đăng ngày 18/9/2015 (Truy cập ngày 20/3/2023).
5. Ellis, C. (2013), Carrying the torch for autoethnography, In: S. H. Jones, T. E. Adams., and C. Ellis (eds.) *Handbook of Autoethnography*, Left Coast Press, pp. 9-12.
6. Firth, Raymond William (ed., 2023), “Bronisław Malinowski”, In: *Encyclopedia Britannica*, trên trang <https://www.britannica.com/biography/Bronislaw-Malinowski>, (Truy cập 22/3/2023).
7. Goldschmidt, W. (1977), “Anthropology and the coming crisis: An autoethnographic appraisal”, *American Anthropologist*, No. 79, 293-308 (doi:10.1525/aa.1977.79.2.02a00060).
8. Hayano, D. M. (1979), “Auto-ethnography: Paradigms, problems, and prospects”, *Human Organization*, No. 38, pp. 99-104 (doi:10.17730/humo.38.1.u761n5601t4g318v).
9. Heider, K. G. (1975), “What do people do? Dani auto-ethnography”, *Journal of Anthropological Research*, No. 31, pp. 3-17 (doi:10.1086/jar.31.1.3629504).
10. Lewis, Elizabeth (2020), “Franz Boas, Father of American Anthropology”, on page: <https://www.thoughtco.com/elizabeth-lewis-4173861>.
11. Lindeman, Eduard (1925), *Social discovery: an approach to the study of functional groups*, New York, Republic Pub. Co.